

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa:
ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh G, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Tổ 8, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 12 tháng 2 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh G trình bày:

Về hôn nhân bà G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh L.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2005, theo nguyện vọng của con muốn sống với ai cũng được.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2018, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Vĩnh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên do công việc ông cũng có nhậu nhẹt với bạn bè chứ không thường xuyên. Xét thấy vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn và ông còn thương bà Giang nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2005, nếu toà án xử lý hôn thì tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 thì cháu Nguyễn Thị Kim N có nguyện vọng được sống với cha tên Nguyễn Vĩnh L sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh G giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp chứng cứ gì thêm; anh Nguyễn Vĩnh L vẫn giữ nguyên ý kiến.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa bà G và ông L không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh G xin được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu và biên bản xác minh ngày 13/3/2018 thì bị đơn anh Nguyễn Vĩnh L thường trú tại tổ 8, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh G và ông Nguyễn Vĩnh L được xác lập vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo xác minh tại khóm T, thị trấn N, huyện T thì giữa bà Nguyễn Thị Minh G và ông Nguyễn Vĩnh L xảy ra mâu thuẫn do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, bà G nhiều lần nhắc nhở nhưng không thay đổi, từ đó bà G đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2018 đến nay là phù hợp với lời khai của bà G trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Minh G xin ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Minh G và ông Nguyễn Vĩnh L có một đứa con chung, bà G, ông L đều có thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Kim N được sống với cha nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2005, cho ông Nguyễn Vĩnh L nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Vĩnh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Minh G và ông Nguyễn Vĩnh L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh G khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch.

Ông Nguyễn Vĩnh L không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh G.

2. Về quan hệ con chung: ông Nguyễn Vĩnh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2005. Bà Nguyễn Thị Minh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Minh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0004040 ngày 7 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- Thi hành án huyện(1);
- Tòa án tỉnh (2);
- Lưu hồ sơ; văn thư (2).

Võ Thị Ngọc Mỹ